

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Công văn số 7311/UBND ngày 13/6/2019 về việc báo cáo, giải trình, bổ sung hồ sơ; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh căn cứ theo các quy định của pháp luật: Luật Khoáng sản năm 2010; Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí; Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT

- Khoản 4, Điều 4, Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, quy định: *“Căn cứ mức phí quy định tại Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định này, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ”*. Nghị định này chỉ quy định loại khoáng sản theo nhóm có tính chất lý, hóa giống nhau.

- Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, UBND tỉnh đã trình và được HĐND tỉnh thông qua, ban hành phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND; vì vậy, Nghị quyết cũng chỉ xác định các loại khoáng sản thu phí bảo vệ môi trường theo nhóm có tính chất lý, hóa giống nhau mà chưa phân loại cụ thể đối với các loại khoáng sản hiện có trên địa bàn tỉnh.

Theo báo cáo của UBND tỉnh tại Công văn số 7311/UBND ngày 13/6/2019 về việc báo cáo, giải trình, bổ sung hồ sơ thì thực tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đang có các loại khoáng sản, cụ thể như sau: “(1) Đất sét trầm tích (đất sét ruộng, bãi) làm gạch ngói; (2) Đất sét đồi làm gạch, ngói; (3) Đá khối để xẻ; (4) Than bùn làm phụ gia sản xuất phân bón; (5) Than các loại còn lại (không phải than bùn); (6) Đất sét làm phụ gia sản xuất phân bón; (7) Đá ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại; (8) Đá thạch anh Deluvi; (9) Đá cát kết; (10) Đá sét bột kết; (11) Sét kết làm gạch men; (12) Đá Bazan làm phụ gia xi măng” đây là những vật liệu xây dựng thông thường được quy định tại Điểm 1, Điều 64, Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản hướng dẫn luật, một số doanh nghiệp đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác khoáng sản nêu trên. Đồng thời, tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018, UBND tỉnh đã ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên; số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên khoáng sản có tính chất hóa, lý giống nhau).

Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất đối với các loại khoáng sản có tính chất lý, hóa giống nhau đã được UBND tỉnh ban hành giá tính thuế thì cần phải xác định khung giá tính phí môi trường để làm cơ sở cho việc thu – nộp phí bảo vệ môi trường, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo quy định của pháp luật thì HĐND tỉnh quyết nghị thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 về việc ban hành phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là cần thiết và đúng quy định.

III. NHẬN XÉT

1. Về tên, phân nhóm và mức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản có tính chất lý, hóa giống nhau:

Tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/4/2019 và dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh đề nghị bổ sung 12 loại khoáng sản không kim loại vào danh mục để thu phí bảo vệ môi trường thuộc 06 nhóm khoáng sản không kim loại có tính chất lý, hóa giống nhau theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ (viết tắt là *NĐ164*) và Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh (viết tắt là *NQ61*); cụ thể:

(1) Đất sét trầm tích (đất sét ruộng, bãi) làm gạch ngói: Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 11 (Đất sét, đất làm gạch, ngói); bằng mức thu tối đa (2.000

đ/m³) quy định trong NĐ164 và trong NQ61 do đây là loại khoáng sản không khuyến khích khai thác làm gạch, ngói.

(2) Đất sét đồi làm gạch, ngói: Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 11 (*Đất sét, đất làm gạch, ngói*); bằng mức thu tối thiểu (1.500 đ/m³) quy định trong NĐ164 do đây là loại khoáng sản khuyến khích khai thác làm gạch, ngói thay thế đất sét trầm tích (nhóm này trong NQ61 là 2.000 đ/tấn).

(3) Đá khối để xẻ: Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 1 (*Đá khối để sản xuất đá ốp lát, làm mỹ nghệ*); bằng mức thu tối đa (70.000 đ/m³) quy định trong NĐ164 và trong NQ61.

(4) Than bùn làm phụ gia sản xuất phân bón: Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 21 (*Than các loại*); bằng mức thu tối thiểu (6.000 đ/tấn) quy định trong NĐ164 do được tách ra từ Than các loại, có giá trị kinh tế nhỏ hơn các loại than khác (nhóm này trong NQ61 là 10.000 đ/tấn).

(5) Than các loại còn lại (không phải than bùn): Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 21 (*Than các loại*); bằng mức thu tối đa (10.000 đ/tấn) quy định trong NĐ164 và trong NQ61.

(6) Đất sét làm phụ gia sản xuất phân bón; (7) Đá Ong phong hóa không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại: Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 14 (*Các loại đất khác: Đất giàu sắt, đất giàu silic, cát silic làm phụ gia sản xuất xi măng*); bằng mức thu tối đa (2.000 đ/tấn) quy định trong NĐ164 và trong NQ61.

(8) Đá Thạch anh Deluvi: Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 17 (*Mi ca, thạch anh kỹ thuật*); bằng với mức thu tối thiểu (20.000 đ/tấn) quy định trong NĐ164 do không phải là Thạch anh kỹ thuật, Thạch anh màu (nhóm này trong NQ61 là 30.000 đ/tấn).

(9) Đá cát kết; (10) Đá sét bột kết; (11) Sét kết làm gạch men; (12) Đá Ba zan làm phụ gia sản xuất xi măng: Thuộc nhóm khoáng sản không kim loại số 6 (*Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan), khoáng chất công nghiệp (barit, fluorit, bentônít và các loại khoáng chất khác)*); bằng mức thu tối đa (3.000 đ/tấn) quy định trong NĐ164 và trong NQ61.

3. Ý kiến các ngành tham mưu:

UBND tỉnh đã giao Sở tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan rà soát lại danh mục và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (gồm các sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Cục Thuế): các đơn vị tham gia ý kiến cơ bản thống nhất đề nghị bổ sung danh mục và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, một số đề nghị đã được tiếp thu, hoàn chỉnh để trình HĐND tỉnh.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với HĐND tỉnh:

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Thường trực HĐND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh quyết nghị thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 về việc ban hành phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/4/2019.

2. Đối với UBND tỉnh:

Việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản như đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/4/2019 là do có tính chất lý, hóa tương đồng với một số loại khoáng sản đã được quy định trong Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ; vì vậy, khi Chính phủ có quy định về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản này, trường hợp khung mức đã được HĐND tỉnh biểu quyết thông qua không phù hợp với khung mức quy định mới của Chính phủ thì UBND tỉnh phải trình HĐND tỉnh nghị quyết lại để đảm bảo theo quy định của Chính phủ.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Lại Thế Nguyên